

PHỤ LỤC

TỶ LỆ PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH

NĂM 2022 GIAI ĐOẠN 2022 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

S T T	Nội dung khoản thu	Thu NSNN	Trong đó điều tiết cho các cấp NS (%)			
		(%)	TW	Tỉnh	H, TX, TP	Xã, Ph, T.Trấn
I	Các khoản thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
-	Thuế xuất khẩu	100	100			
-	Thuế nhập khẩu	100	100			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu	100	100			
-	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	100	100			
-	Thuế bổ sung đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam	100	100			
-	Thu chênh lệch giá hàng xuất nhập khẩu	100	100			
-	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	100	100			
-	Phí, lệ phí hải quan	100	100			
II	Thu nội địa (bao gồm các khoản thu tiền chậm nộp)					
1	Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp hàng sản xuất - kinh doanh trong nước					
-	Thu từ doanh nghiệp nhà nước: trung ương, địa phương và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100	53	47		
-	Thu từ khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh	100				
	Do Cục thuế quản lý thu		53	47		
	Do Chi Cục thuế quản lý thu		53		20	27
2	Thuế thu nhập cá nhân					
-	Do Cục thuế quản lý thu	100	53	47		
-	Do Chi Cục thuế quản lý thu	100	53		20	27
3	Thuế bảo vệ môi trường					
-	Do Cục thuế quản lý thu	100	53	47		
-	Do Chi Cục thuế quản lý thu	100	53		47	
	Riêng thuế bảo vệ môi trường thu từ xăng dầu hàng nhập khẩu để bán ra trong nước	100	100			
4	Thu tiền sử dụng đất					
a	Thu cân đối (thực thu)			40	60	
	<i>Riêng các khoản thu từ các dự án bán đấu giá quyền sử dụng đất có giá trị trúng đấu giá từ 100 tỷ đồng trở lên/cuộc đấu giá; Thu tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất</i>			100		
b	Đối với khoản thu thuộc Dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành	100	100			
c	Ghi thu ghi chi					
-	Tỉnh thực hiện	100		100		
-	Huyện, thành phố thực hiện	100			100	
5	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản					
-	Giấp phép do Trung ương cấp	100	70	30		
-	Giấp phép do UBND tỉnh cấp	100		100		
6	Thuế tài nguyên					
-	Thu từ doanh nghiệp nhà nước: trung ương, địa phương và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100		100		
-	Thu từ khu vực công thương nghiệp - ngoài quốc doanh					
	Do Cục thuế quản lý thu			100		

S T T	Nội dung khoản thu	Thu NSNN	Trong đó điều tiết cho các cấp NS (%)			
		(%)	TW	Tỉnh	H, TX, TP	Xã, Ph, T.Trấn
	Do Chi Cục thuế quản lý thu				100	
7	Thu từ thu nhập sau thuế (thu cổ tức)	100		100		
8	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước; ghi thu tiền thuê mặt đất, mặt nước					
-	Do Cục thuế quản lý thu	100		100		
-	Do Chi Cục thuế quản lý thu	100			100	
	Riêng tiền thuê đất Dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành	100	100			
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế sử dụng đất nông nghiệp					
-	Do Cục thuế quản lý thu	100		100		
-	Do Chi Cục thuế quản lý thu	100			100	
-	Do xã, phường, thị trấn quản lý thu	100				100
10	Lệ phí trước bạ	100			100	
	Riêng Lệ phí trước bạ nhà, đất	100				100
11	Thu phí, lệ phí					
a	Lệ phí môn bài					100
b	Phí bảo vệ môi trường khai thác khoáng sản					
-	Do cơ quan tỉnh tổ chức thu	100		100		
-	Do cơ quan huyện, thị xã, thành phố tổ chức thu	100			100	
c	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	100		100		
d	Lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị phương tiện giao thông	100		100		
đ	Các loại khác					
-	Do cơ quan trung ương tổ chức thu	100	100			
-	Do cơ quan tỉnh tổ chức thu	100		100		
-	Do cơ quan huyện, thành phố tổ chức thu	100			100	
-	Do cơ quan xã, phường, thị trấn tổ chức thu	100				100
12	Thu sự nghiệp					
-	Các đơn vị do cơ quan trung ương quản lý	100	100			
-	Các đơn vị do cơ quan tỉnh quản lý	100		100		
-	Các đơn vị do cơ quan huyện, thị xã, thành phố quản lý	100			100	
-	Các đơn vị do xã, phường, thị trấn quản lý	100				100
13	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	100		100		
14	Các khoản thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản	100				100
15	Thu khác ngân sách					
a	Thu phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác					
-	Cơ quan Tỉnh tổ chức thực hiện	100		100		
-	Cơ quan Huyện, Thành phố tổ chức thực hiện	100			100	
-	Cơ quan Xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện	100				100
b	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước					
-	Do cơ quan Tỉnh tổ chức thu	100		100		
-	Cơ quan Huyện, Thành phố tổ chức thực hiện	100			100	
-	Do cơ quan Xã, phường, thị trấn tổ chức thu	100				100
c	Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa	100		100		
d	Các khoản thu còn lại					
-	Cơ quan Trung ương tổ chức thực hiện	100	100			
-	Cơ quan Tỉnh tổ chức thực hiện	100		100		
-	Cơ quan Huyện, Thành phố tổ chức thực hiện	100			100	
-	Cơ quan Xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện	100				100
16	Thu xổ số kiến thiết	100		100		

S T T	Nội dung khoản thu	Thu NSNN	Trong đó điều tiết cho các cấp NS (%)			
		(%)	TW	Tỉnh	H, TX, TP	Xã, Ph, T.Trần
17	Thu huy động, đóng góp, viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân (trừ các khoản thu được cơ quan thẩm quyền quy định tỷ lệ điều tiết riêng)					
a	Trung ương tổ chức thu nộp	100	100			
b	Tỉnh tổ chức thu nộp	100		100		
c	Huyện, Thành phố tổ chức thu nộp	100			100	
d	Xã, phường, thị trấn tổ chức thu nộp	100				100
18	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	100		100		
19	Thu chuyển nguồn kinh phí ngân sách năm trước sang năm sau để chi, thu kết dư ngân sách năm trước					
a	Ngân sách tỉnh	100		100		
b	Huyện, Thành phố tổ chức thu nộp	100			100	
c	Ngân sách xã, phường, thị trấn	100				100
20	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					
a	Trung ương bổ sung ngân sách tỉnh	100		100		
b	Tỉnh bổ sung ngân sách huyện, thành phố	100			100	
c	Huyện, thành phố bổ sung ngân sách xã, phường, thị trấn	100				100
21	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên					
a	Nộp lên ngân sách Trung ương	100	100			
b	Nộp lên ngân sách tỉnh	100		100		
c	Nộp lên ngân sách huyện, thành phố	100			100	
22	Thu huy động vốn đầu tư theo Khoản 6 Điều 7 Luật Ngân sách	100		100		